TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39 /2018/DS-ST
Ngày: 25-9-2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Thị Đông Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Sĩ.

2. Bà Phan Thị Bé Sáu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngân, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên tòa:

Bà Đàm Thị Mỏl – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 01 năm 2018 về việc:“ Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số:80/2018/QĐST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần A**

Địa chỉ: đường N, Phường Z, Quận X, thành phố. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Minh T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Anh K - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Địa chỉ: đường Đ, Phường U, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn:

1. Ông **Phan Văn Q**, sinh năm: 1976

2. Bà **Võ Thị B**, sinh năm: 1977

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Có mặt đại diện Ngân hàng anh K, vắng mặt ông Q, bà B lần 2 không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại các buổi làm việc Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A có người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Anh K trình bày:

Ngày 25/01/2016 ông Phan Văn Q (sau đây gọi tắt là ông Q), bà Võ Thị B (sau đây gọi tắt là bà B) có ký kết hợp đồng vay tiền với Ngân hàng Thương mại cổ phần A theo hợp đồng tín dụng số 3284237 ngày 25/01/2016/Khế ước nhận nợ số 230250379 ngày 12/01/2017 với tổng số tiền 1.200.000.000đ, thời hạn vay 06 tháng, tính từ 12/01/2017 đến 12/07/2017, lãi suất vay trong hạn 9,7%/ năm. Quá hạn 150% lãi suất trong hạn, sau khi vay bà B, ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Các khoản vay nêu trên được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3282372 ngày 25/01/2016 gồm có 6 thửa đất thế chấp. Tuy nhiên đã giải chấp 04 thửa còn lại 02 thửa theo giấy chứng nhận QSD đất do bà B đứng tên, diện tích 5.969m^2, thửa số 2430, và diện tích 4.017m^2, thửa số 2425, cùng tờ bản đồ số 06 đất tọa lạc tại xã P, huyện T.

Đến 29/09/2017 ông Q, bà B trả lần 1 số tiền 420.000.000đ, lần 2 ngày 03/10/2017 trả 580.000.000đ, số tiền vốn gốc còn lại 200.000.000đ và lãi đến nay chưa thanh toán cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu ông Q, bà B trả số tiền vay và tiền lãi từ ngày 12/01/2017 đến ngày 25/09/2018 là 303.724.472 đồng (trong đó: số tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 74.494.000 đồng, phạt chậm trả vốn: 23.987.000 đồng, phạt chậm trả lãi 5.243.472 đồng) theo hợp đồng tín dụng số 3284237 ngày 25/01/2016/Khế ước nhận nợ số 230250379 ngày 12/01/2017 và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng từ ngày 25/09/2018 đến khi ông Q, bà B trả dứt nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay anh K không yêu cầu Tòa án xem xét Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3282372 ngày 25/01/2016 đối với thửa đất giấy chứng nhận QSD đất do bà B đứng tên, diện tích 5.969m^2, thửa số 2430, và diện tích 4.017m^2, thửa số 2425, cùng tờ bản đồ số 06 đất tọa lạc tại xã P, huyện T. Tuy nhiên, nếu ông Q, bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả

nợ thì thì tài sản đảm bảo được cơ quan có thẩm quyền xử lý. Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

- Bị đơn ông Q, bà B vắng mặt không lý do tại các buổi làm việc, hòa giải của Tòa án đến nay không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không lý do nên Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt không lý do đã được triệu tập hợp lệ hai lần theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là phù hợp.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại cổ phần A có đơn yêu cầu ông Q, bà B thanh toán số tiền đã vay còn nợ. Hội đồng xét xử xét thấy đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền: Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện ông Q, bà B có địa chỉ tại ấp T, xã P, huyện T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, nguyên đơn khởi kiện bị đơn tại Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Hội đồng xét xử, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về số tiền nợ gốc: Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu ông Q, bà B có nghĩa vụ liên đới thanh toán số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ theo hợp đồng tín dụng số 3284237 ngày 25/01/2016/Khế ước nhận nợ số 230250379 ngày 12/01/2017 với tổng số tiền 1.200.000.000đ. Tuy nhiên đến 29/09/2017 ông Q, bà B trả lần 1 số tiền 420.000.000đ, lần 2 ngày 03/10/2017 trả 580.000.000đ, căn cứ theo phiếu thu tiền vay do đại diện Ngân hàng cung cấp thể hiện bị đơn còn nợ số tiền vốn gốc còn lại 200.000.000đ đến nay bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Về số tiền nợ lãi: Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu ông Q, bà B thanh toán tiền lãi do vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi từ ngày 12/01/2017 đến ngày 25/09/2018 là 103.724.472 đồng (trong đó: lãi trong hạn 74.494.000 đồng, phạt chậm trả vốn: 23.987.000 đồng, phạt chậm trả lãi 5.243.472 đồng) theo hợp đồng tín dụng số 3284237 ngày 25/01/2016/Khế ước nhận nợ số 230250379 ngày 12/01/2017 và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn do

các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng từ ngày 25/09/2018 đến khi ông Q, bà B trả dứt nợ cho Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy tại Hợp đồng tín dụng số 3284237 ngày 25/01/2016/Khế ước nhận nợ số 230250379 ngày 12/01/2017 giữa nguyên đơn và bị đơn thì hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi trên nghĩa vụ thanh toán tương đương với thời gian bị vi phạm và khoản lãi quá hạn. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần A yêu cầu ông Q, bà B trả số tiền còn nợ gốc và lãi phát sinh.

[5] Xét thấy ông Q, bà B đã được Tòa án thông báo về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng không có ý kiến về yêu cầu khởi kiện và số tiền nợ gốc và tiền lãi còn thiếu, đồng thời sự thỏa thuận của hai bên tại hợp đồng tín dụng nêu trên là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ: Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng không yêu cầu Tòa xử lý hợp đồng thế chấp. Tuy nhiên, nếu ông Q, bà B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì thì tài sản đảm bảo được cơ quan có thẩm quyền xử lý. Xét thấy, căn cứ hợp đồng tín dụng số: 3284237 ngày 25/01/2016/Khế ước nhận nợ số 230250379 ngày 12/01/2017 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3282372 ngày 25/01/2016 số công chứng 677 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/01/2016 do Phòng công chứng Số 1, tỉnh Đồng Tháp chứng nhận bà B, ông Q; được ký giữa các bên: Bên nhận thế chấp là Ngân hàng Thương mại cổ phần A, cam kết trường hợp bị đơn không trả được, không trả đủ thì Ngân hàng toàn quyền xử lý tài sản thế chấp cho khoản vay trên. Xét yêu cầu này của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

[7] Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo trình tự thủ tục quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc ông Q và bà B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ gốc, lãi còn nợ. Và tiếp tục trả lãi đến khi trả xong nợ. Nếu ông Q và bà B không trả số nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định pháp luật. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[8] Từ những chứng cứ nêu trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà B, ông Q phải chịu án phí trên yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần A được chấp nhận. Ngân hàng Thương mại cổ phần A được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 91, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A đối với ông Phan Văn Q và bà Võ Thị B.

2. Buộc ông Phan Văn Q và bà Võ Thị B có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A số tiền nợ gốc là 200.000.000 đồng và tiền lãi 103.724.472 đồng). Tổng gốc và lãi là 303.724.472 đồng theo hợp đồng tín dụng số 3284237 ngày 25/01/2016/Khế ước nhận nợ số 230250379 ngày 12/01/2017 và tiếp tục tính lãi kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2018 trên số nợ gốc thực nợ cho đến khi trả nợ xong.

3. Ngay khi ông Phan Văn Q và bà Võ Thị B trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có trách nhiệm trả lại các loại giấy, tài sản thế chấp bản chính theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 3282372 ngày 25/01/2016 số công chứng 677 quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/01/2016 do Phòng công chứng Số 1, tỉnh Đồng Tháp.

4. Nếu ông Phan Văn Q và bà Võ Thị B thanh toán không đủ hoặc không thực hiện việc trả nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi các tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo giá trị đảm bảo của hợp đồng.

5. Trường hợp nếu phát mãi tài sản thế chấp của ông Phan Văn Q và bà Võ Thị B không đủ trả số nợ trên thì ông Phan Văn Q và bà Võ Thị B phải tiếp tục hoàn trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A.

6. Về án phí sơ thẩm:

- Ông Phan Văn Q và bà Võ Thị B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 15.186.000 đồng (Mười lăm triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

- Hoàn lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BG/2015/0000720 ngày 08 tháng 01 năm 2018 và biên lai số: BG/2015/ 0003710 ngày 24 tháng 04 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Châu Thị Đông Cúc